TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2017
V/v chia tài sản sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Văn Hên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thanh Học.

2. Ông Trần Văn Sơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2017/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Văn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 09, đường H, khu phố N, phường M, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Hứa Thị B, sinh năm 1961. Địa chỉ: tổ 2, khu phố K, phường H, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Văn H, sinh năm 1977. Địa chỉ: tổ 2, ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông La Tấn H (C), sinh năm 1948. Địa chỉ: Tổ 2, ấp N, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

- Ông Lâm Văn M, sinh năm 1973. Địa chỉ: số 148, ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

- Ông Lý Văn H, sinh năm 1963. Địa chỉ: số 263, ấp X, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

- Ông Lý Văn L, sinh năm 1946. Địa chỉ: số 10/5, ấp N, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

- Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 6, ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/3/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Lâm Văn H trình bày: Ông và bà Hứa Thị B chung sống với nhau có tạo lập được tài sản chung là 427 bụi tiêu được trồng trên 09 thớt trên Núi nhọn tọa lạc tại ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống vợ chồng thỏa thuận mỗi người thu hoạch tiêu 04 năm, từ năm 2007 đến năm 2010 ông thu hoạch, từ năm 2011 đến năm 2014 bà B thu hoạch. Năm 2013 vợ chồng được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông tiếp tục thu hoạch tiêu trong 02 năm 2015, 2016, còn bà B thu hoạch năm 2017, 2018. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, ông đã giao tiêu cho ông Lưu Văn H làm để ăn chia với nhau, mỗi năm ông được chia là 150kg tiêu khô, năm 2015 giá tiêu khô 160.000 đồng/kg, năm 2016 giá tiêu khô là 110.000 đồng/kg, trong 02 năm ông được chia là 300kg tiêu khô tương đương với số tiền là 40.500.000 đồng. Tổng số bụi tiêu trên Núi nhọn hiện nay là 769 bụi được trồng trên 15 thớt, trong đó 427 bụi được trồng trên 9 thớt là tài sản chung, còn 342 bụi được trồng trên 06 thớt là tài sản riêng của ông. Nay ông yêu cầu chia đôi tài sản chung là 427 bụi tiêu, còn đất là của Nhà nước quản lý.

Bị đơn bà Hứa Thị B trình bày: Năm 1983 vợ chồng bà trồng được 150 bụi tiêu trên 03 thớt, từ năm 1984 đến năm 1993 vợ chồng thuê người canh tác và mở rộng thêm vườn tiêu lên tổng cộng là 15 thớt, tiêu được trồng trên Núi Nhọn tọa lạc tại ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang. Vào năm 2007 bà và ông H thỏa thuận với nhau mỗi người thu hoạch tiêu 04 năm, ông H thu hoạch từ năm 2007 đến năm 2010, bà thu hoạch từ năm 2011 đến năm 2014. Năm 2013 bà và ông H ly hôn và có thỏa thuận lại việc thu hoạch tiêu, năm 2015 đến năm 2016 ông H thu hoạch, năm 2017 đến năm 2018 bà thu hoạch, tổng số bụi tiêu hiện nay là 769 bụi được trồng trên 15 thớt bà đang giao cho ông Lưu Văn H làm để ăn chia, bà chưa thu hoạch vì tiêu đang cho trái đến tháng 02/2018 mới thu hoạch. Nay ông H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là 427 bụi tiêu, còn 342 bụi tiêu là tài sản riêng thì bà không đồng ý vì tài sản chung của vợ chồng tổng cộng là 769 bụi tiêu, còn đất là của Nhà nước quản lý.

Ngày 29/9/2017, bà có đơn yêu cầu phản tố về việc yêu cầu chia 342 bụi tiêu và buộc ông H phải trả lại cho bà giá trị tiêu trong 02 năm do bà chưa thu hoạch là 300kg tiêu khô tương đương với số tiền là 40.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn H trình bày: Trước đây ông H và bà B còn chung sống thì ông bà đã khai phá và trồng thêm tiêu trên khu

vực Núi Nhọn tọa lạc tại ấp H, xã Y, thị xã P, Sau khi ly hôn ông bà có thỏa thuận mỗi người thu hoạch 02 năm, từ năm 2015 đến năm 2016 ông H thu hoạch, từ năm 2017 đến năm 2018 bà B thu hoạch. Năm 2015, 2016 ông H giao tiêu cho ông làm để ăn chia, trong 02 năm ông được chia là 300kg tiêu khô, năm 2015 giá tiêu khô 160.000 đồng/kg, năm 2016 giá tiêu khô là 110.000 đồng/kg, tổng số bụi tiêu của ông H và bà B hiện có là 769 bụi lớn nhỏ khác nhau, số tiêu trên hiện ông đang làm để ăn chia với bà B. Nay ông H và bà B tranh chấp tài sản chung sau ly hôn ông không có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án cho bà B thu hoạch xong 02 năm thì mới chia tài sản sau ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hà Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và quá trình tranh luận tại phiên tòa, xét thấy ông H yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn là 427 bụi tiêu là có căn cứ, tuy nhiên ông cho rằng 342 bụi tiêu là tài sản riêng và ông còn nại ra rằng trước khi thu hoạch tiêu ông đã bỏ công ra chăm sóc, mua phân bò, thuê người chăm sóc nhưng ông không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác lời khai nại của ông H, công nhận 769 bụi tiêu là tài sản chung của ông H và bà B, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà B về việc yêu cầu ông H thanh toán số tiền 20.250.000 đồng tương đương với 150kg tiêu khô mà ông H đã nhận của 01 năm. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định giá, chi phí đo đạc đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Trong vụ án này bị đơn bà Hứa Thị B, cư trú tại: khu phố K, phường H, thị xã P, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H chia tài sản chung là 427 bụi tiêu được trồng trên Núi Nhọn tọa lạc tại ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang. Qua xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên và bản trích đo ngày 22/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hà Tiên thể hiện vị trí cây trồng tranh chấp giữa ông H và bà B là 769 bụi tiêu được trồng trên 15 thớt tọa lạc tại ấp H, xã Y, thị xã P có vị trí cụ thể như sau: Thớt 1 gồm 42 bụi, có cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều dài 28m giáp Thớt 2, cạnh chiều dài 28m giáp đất Lâm Văn M; Thớt 2 gồm 42 bụi, có cạnh chiều ngang 7m giáp

đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 7m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều dài 28m giáp Thớt 3, cạnh chiều dài 28m giáp Thớt 1; Thớt 3 gồm 33 bụi, có cạnh chiều ngang 8,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 8,50m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều dài 23m giáp Thớt 2, cạnh chiều dài 23m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 4 gồm 80 bụi, có cạnh chiều ngang 11,50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 11,50m giáp đất Tạ Kim C, cạnh chiều dài 38m giáp Thớt 5, cạnh chiều dài 38m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 5 gồm 39 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Tạ Kim C, cạnh chiều dài 33m giáp Thớt 4, cạnh chiều dài 33m giáp đất Tạ Kim C; Thớt 6 gồm 96 bụi, có cạnh chiều ngang 6m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 6m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 59m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 59m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 7 gồm 18 bụi, có cạnh chiều ngang 6m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 6m giáp Thớt 8, cạnh chiều dài 13m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 13m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 8 gồm 90 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 6,50m giáp Thớt 7, cạnh chiều dài 53m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 53m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 9 gồm 60 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 10 gồm 50 bụi, có cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 42m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 42m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 11 gồm 50 bụi, có cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Lâm Văn M, cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 49m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 49m giáp đất Lâm Văn Đ; Thớt 12 gồm 54 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Trần Văn S, cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Thị V, cạnh chiều dài 33m giáp Thớt 13, cạnh chiều dài 33m giáp đất Lâm Văn M; Thớt 13 gồm 52 bụi, có cạnh chiều ngang 7m giáp đất Trần Văn S, cạnh chiều ngang 7m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 23m giáp Thớt 12, cạnh chiều dài 23m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 14 gồm 24 bụi, có cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 45m giáp Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 45m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 15 gồm 39 bụi, có cạnh chiều ngang 5m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 5m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 24m giáp vườn tiêu ông H, cạnh chiều dài 24m giáp ao nước.

[3] Phía ông H cho rằng tài sản chung là 427 bụi tiêu, còn 342 bụi tiêu là tài sản riêng nhưng ông không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh 342 bụi tiêu là tài sản do ông tạo lập trước thời kỳ hôn nhân hoặc sau khi ly hôn. Mặt khác, tại biên bản ghi lời khai những người đã làm vườn tiêu cho ông H và bà B như ông La Tấn H (BL 80, 81), ông Lý Văn H (BL 84, 85), ông Lý Văn L (BL 86, 87), ông Lâm Văn M (BL 82, 83) họ đều khai toàn bộ số bụi tiêu được trồng trên 15 thớt tọa lạc tại Núi nhọn đều là tài sản chung của ông H và bà B, cũng tại phiên tòa ông

Lưu Văn H là người trực tiếp làm vườn tiêu để ăn chia với ông H, bà B cũng khẳng định 769 bụi tiêu được trồng trên 15 thớt trên Núi nhọn là tài sản chung của ông H và bà B. Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng chia tài sản chung bằng hiện vật nên Hội đồng xét xử nghị cần xác định tài sản chung của ông Lâm Văn H và bà Hứa Thị B là 769 bụi tiêu được trồng trên 15 thớt tọa lạc tại Núi Nhọn thuộc ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang và tài sản được chia mỗi người 1/2 tài sản bằng hiện vật. Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 08/12/2017 do số bụi tiêu được trồng trên 15 thớt nên khi chia hiện vật có sự chênh lệch, số bụi tiêu giao cho ông H sở hữu là 380 bụi, bà B sở hữu là 389 bụi, như vậy bà B phải hoàn trả lại giá trị nhận hiện vật chênh lệch cho ông H bằng tiền là 1.277.000 đồng (9 bụi tiêu x 283.680 đồng = 2.553.120 đồng/2 = 1.276.560 đồng làm tròn là 1.277.000 đồng).

[4] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hứa Thị B về việc chia 342 bụi tiêu và yêu cầu ông H thanh toán lại số tiền 40.500.000 đồng của 02 năm thu hoạch tiêu nhưng phía ông H không đồng ý và cho rằng giữa ông và bà B không có thỏa thuận mỗi người thu hoạch tiêu 02 năm, xét thấy tại biên bản xác minh ông Giang Văn D, trưởng ban ấp H (BL 24) và biên bản ghi lời khai ông Trần Thanh Q, Hội nông dân ấp H (BL 25, 26) cung cấp thông tin vào tháng 3/2017 ông H và bà B tranh chấp bụi tiêu đã được Ban ấp động viên thực hiện theo thỏa thuận mỗi người thu hoạch 02 năm, ông H đã thu hoạch tiêu xong 02 năm 2015, 2016 thì giao lại cho bà B thu hoạch 02 năm 2017, 2018 và các bên đều thống nhất. Tại phiên tòa, ông H cũng thừa nhận ông đã thu hoạch tiêu xong 02 năm 2015, 2016, hiện 769 bụi tiêu bà B đang quản lý chuẩn bị thu hoạch của năm 2017 nên Hội đồng xét xử nghị cần chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà B về việc chia 342 bụi tiêu và buộc ông H phải thanh toán lại cho bà B số tiền 20.250.000 đồng tương đương với giá trị 150kg tiêu khô mà ông H đã nhận của năm 2015 là phù hợp, đến mùa thu hoạch tiêu của năm 2017 hai bên đương sự được quyền tham gia thu hoạch theo phần bụi tiêu được phân chia.

[5] Tại phiên tòa, ông H còn nại ra rằng trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 ông đã bỏ tiền ra mua phân bò, tiền thuê người dặm tiêu, tiền mua dây tiêu, tiền ngày công chăm sóc tiêu nên bà B muốn thu hoạch tiêu của năm 2017, 2018 thì phải thanh toán lại cho ông số tiền 54.000.000 đồng nhưng phía bà B không đồng ý và ông H cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời khai nại của ông H. Nếu sau này ông H có chứng cứ chứng minh thì ông H có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận ý kiến của bà Hứa Thị B chịu toàn bộ chi phí là 1.021.000 đồng.

[7] Về chi phí định giá tài sản: Ông Lâm Văn H và bà Hứa Thị B mỗi người phải chịu 50% chi phí. Số tiền này ông H đã nộp tạm ứng cho Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên và Tòa án đã thanh toán cho Công ty Cổ phần bất động sản Kiên Giang số tiền là 1.500.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0001894 ngày 25/12/2017 nên bà B phải trả lại cho ông H số tiền là 750.000 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ kết quả thẩm định giá số 76/CT-ĐGBĐS/KGRE, ngày 18/8/2017 của Công ty Cổ phần bất động sản Kiên Giang giá trị 769 bụi tiêu trên là 218.150.000 đồng. Bà Hứa Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch 5% tương ứng với giá trị tài sản được chia là 5.518.000 đồng. Ông Lâm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch 5% tương ứng với giá trị tài sản được chia là 5.390.000 đồng.

Bị đơn bà Hứa Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch 5% đối với một phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 20.250.000 đồng x 5% = 1.012.500 đồng.

Nguyên đơn ông Lâm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch 5% đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 20.250.000 đồng x 5% = 1.012.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 29, 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H về chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hứa Thị B về việc chia 342 bụi tiêu và yêu cầu ông H thanh toán số tiền 40.500.000 đồng của 02 năm thu hoạch tiêu.

3. Công nhận tài sản chung của ông Lâm Văn H và bà Hứa Thị B là 769 bụi tiêu được trồng trên 15 thớt tọa lạc tại Núi Nhọn thuộc ấp H, xã Y, thị xã P, tỉnh Kiên Giang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên và bản trích đo thực tế vị trí tranh chấp cây trồng giữa ông Lâm Văn H và bà Hứa Thị B của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hà Tiên ngày 22/12/2017 (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

4. Tài sản được chia bằng hiện vật như sau:

- Buộc ông Lâm Văn H giao cho bà Hứa Thị B được sở hữu và sử dụng 389 bụi tiêu có vị trí cụ thể như sau: Thớt 1 gồm 42 bụi, có cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều dài 28m giáp Thớt 2, cạnh chiều dài 28m giáp đất Lâm Văn M; Thớt 2 gồm 42 bụi, có cạnh chiều ngang 7m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 7m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều dài 28m giáp Thớt 3, cạnh chiều dài 28m giáp Thớt 1; Thớt 3 gồm 33 bụi, có cạnh chiều ngang 8,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều

ngang 8,50m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều dài 23m giáp Thớt 2, cạnh chiều dài 23m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 4 gồm 80 bụi, có cạnh chiều ngang 11,50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 11,50m giáp đất Tạ Kim C, cạnh chiều dài 38m giáp Thớt 5, cạnh chiều dài 38m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 5 gồm 39 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Dương Thị H, cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Tạ Kim C, cạnh chiều dài 33m giáp Thớt 4, cạnh chiều dài 33m giáp đất Tạ Kim C; Thớt 6 gồm 96 bụi, có cạnh chiều ngang 6m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 6m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 59m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 59m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 7 gồm 18 bụi, có cạnh chiều ngang 6m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 6m giáp Thớt 8, cạnh chiều dài 13m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 13m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 15 gồm 39 bụi, có cạnh chiều ngang 5m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 5m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 24m giáp vườn tiêu ông H, cạnh chiều dài 24m giáp ao nước (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

- Buộc bà Hứa Thị B giao cho ông Lâm Văn H được sở hữu và sử dụng 380 bụi tiêu có vị trí cụ thể như sau: Thớt 8 gồm 90 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 6,50m giáp Thớt 7, cạnh chiều dài 53m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 53m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 9 gồm 60 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 10 gồm 50 bụi, có cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Bình C, cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 42m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 42m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 11 gồm 50 bụi, có cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Lâm Văn M, cạnh chiều ngang 4,50m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 49m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 49m giáp đất Lâm Văn Đ; Thớt 12 gồm 54 bụi, có cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Trần Văn S, cạnh chiều ngang 6,50m giáp đất Lâm Thị V, cạnh chiều dài 33m giáp Thớt 13, cạnh chiều dài 33m giáp đất Lâm Văn M; Thớt 13 gồm 52 bụi, có cạnh chiều ngang 7m giáp đất Trần Văn S, cạnh chiều ngang 7m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 23m giáp Thớt 12, cạnh chiều dài 23m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B; Thớt 14 gồm 24 bụi, có cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều ngang 4m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 45m giáp Lâm Văn H, Hứa Thị B, cạnh chiều dài 45m giáp đất Lâm Văn H, Hứa Thị B (có biên bản và sơ đồ kèm theo).

- Buộc bà Hứa Thị B phải giao tiền chênh lệch tài sản cho ông Lâm Văn H số tiền là 1.277.000đ (một triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

5. Buộc ông Lâm Văn H phải thanh toán cho bà Hứa Thị B số tiền 20.250.000đ (hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tương đương với giá trị 150kg tiêu khô mà ông H đã nhận của năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Bác một phần yêu cầu phản tố của bà Hứa Thị B về việc yêu cầu ông Lâm Văn H thanh toán số tiền 20.250.000đ (hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tương đương với giá trị 150kg tiêu khô mà ông H đã nhận của năm 2016.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận ý kiến của bà Hứa Thị B chịu toàn bộ số tiền 1.021.000đ (một triệu không trăm hai mươi mốt nghìn đồng). Số tiền này bà B đã nộp xong theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0006089 ngày 22/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Hà Tiên nên bà không phải nộp thêm.

8. Về chi phí định giá tài sản: Ông Lâm Văn H và bà Hứa Thị B mỗi người phải chịu là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này ông H đã nộp tạm ứng cho Tòa án nhân dân thị xã Hà Tiên và Tòa án đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Bất động sản Kiên Giang số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0001894 ngày 25/12/2017 nên bà B phải trả lại cho ông H số tiền là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

9. Về án phí:

Buộc bà Hứa Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là 5.518.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 1.012.500 đồng. Tổng cộng án phí bà B phải chịu là 6.530.500đ (sáu triệu năm trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.541.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004340 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Bà B còn phải nộp thêm số tiền là 4.989.500đ (bốn triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Buộc ông Lâm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được chia là 5.390.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận là 1.012.500 đồng. Tổng cộng án phí ông H phải chịu là 6.402.500đ (sáu triệu bốn trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 854.000đ theo biên lai thu tiền số 0001149 ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Ông H còn phải nộp thêm số tiền là 5.548.500đ (năm triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thị xã Hà Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mạc Văn Hên